

Số: 47 /2018/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 27 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức thu học phí của cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập đối với chương trình đại trà trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế năm học 2018 - 2019

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật giáo dục số 38/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật số 44/2009/QH12 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 07 /2018/NQ-HDND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu học phí của cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập đối với chương trình đại trà trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế năm học 2018-2019;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 590/SGD&ĐT-KHTC ngày 17 tháng 8 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu học phí của cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập đối với chương trình đại trà trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế năm học 2018 - 2019 như sau:

1. Mức thu học phí

Đơn vị tính: 1.000 đồng/học sinh/tháng

| STT | Cấp học Khu vực | Mầm non | | Trung học cơ sở | Trung học cơ sở có học nghề | Trung học phổ thông |
|------------|--|---------|---------------|-----------------|-----------------------------|---------------------|
| | | Bán trú | Không bán trú | | | |
| I | Thành thị | | | | | |
| 1 | Các phường thuộc thành phố Huế | 166 | 110 | 86 | 105 | 90 |
| 2 | Các phường thuộc thị xã Hương Thủy và thị xã Hương Trà | 106 | 79 | 66 | 80 | 72 |
| II | Nông thôn | | | | | |
| 1 | Các thị trấn đồng bằng | 79 | 59 | 50 | 65 | 57 |
| 2 | Các xã đồng bằng | 51 | 39 | 32 | 45 | 42 |
| III | Miền núi | | | | | |
| 1 | Các thị trấn miền núi | 26 | 19 | 16 | 30 | 21 |
| 2 | Các xã miền núi | 13 | 11 | 9 | 15 | 14 |

2. Các trung tâm giáo dục nghề nghiệp- giáo dục thường xuyên có học viên học chương trình trung học cơ sở, trung học phổ thông được áp dụng mức thu học phí tương ứng từng cấp học, từng khu vực của các trường phổ thông công lập trên địa bàn.

3. Danh sách các xã, phường, thị trấn phân theo khu vực quy định tại phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quy định về miễn, giảm học phí:

Các cơ sở giáo dục thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và được cấp bù miễn giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021; Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ.

Điều 3. Quy định về quản lý và sử dụng học phí

1. Tổ chức thu học phí: Học phí được thu định kỳ hàng tháng; nếu cha mẹ học sinh tự nguyện, nhà trường có thể thu một lần cho cả học kỳ hoặc cả năm học. Đối với cơ sở giáo dục mầm non, dạy nghề phổ thông trung học cơ sở, trung tâm giáo dục nghề nghiệp- giáo dục thường xuyên có học viên học chương trình trung học cơ sở,

trung học phổ thông học phí được thu theo số tháng thực học. Đối với cơ sở giáo dục phổ thông, học phí được thu 9 tháng/năm học.

Giao Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn công tác tổ chức thu học phí đối với cấp Trung học cơ sở có học nghề đảm bảo phù hợp quy định.

2. Quản lý và sử dụng học phí: Cơ sở giáo dục có trách nhiệm tổ chức thu học phí và nộp toàn bộ số học phí thu được vào Kho bạc Nhà nước, sử dụng hóa đơn thu học phí theo quy định của Bộ Tài chính. Cơ sở giáo dục công lập sử dụng học phí theo quy định của Chính phủ về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê học phí theo các quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2018, thay thế Quyết định số 72/2017/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức thu học phí của các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập đối với chương trình đại trà địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế năm học 2017-2018.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- Bộ Tài chính;
- Bộ GD&ĐT;
- Cục KTVB QPPL (Bộ Tư pháp)
- TVTU;
- TTHĐND, các Ban của HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UB MTTQVN tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- HĐND các huyện, Tx, Tphố;
- Công TTĐT tỉnh, Báo TT Huế;
- VP: LĐ+CV: TC;
- Lưu VT, GD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phan Ngọc Thọ

